TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2023
V/v Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Tài

Bà Nguyễn Thúy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Néang S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 5, ấp P, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Chau S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 5, ấp P, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim S, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 17-10-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Néang S trình bày: Chị và anh Chau S qua quá trình tự tìm hiểu nhau nên chị và anh Chau S đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 17-6-2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn chị và anh Chau S chung sống hạnh phúc tại ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhưng khoảng từ năm 2017, anh Chau S không quan tâm đến vợ, con thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, có hành vi bạo lực gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn. Từ những mâu thuẫn đó nên giữa chị và anh Chau S đã sống ly thân kể từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng anh Chau S, chị Néang S xin ly hôn với anh Chau S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011, hiện đang sống cùng chị S. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Chau S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chau S Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Chau S để tham gia tố tụng nhưng anh S vắng mặt không rỏ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của anh Chau S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị Neang S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Chau S; yêu cầu nuôi dưỡng con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chau S Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Chau S để tham gia tố tụng nhưng anh Chau S vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ những vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Do mai mối nến gia đình chị S và anh S đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 17-6-2010 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S thường xuyên nhậu nhẹt và đánh chị S, anh S không chăm lo cho gia đình và anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn với anh S. Mặc khác, từ khi

thụ lý vụ án cho đến nay anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 02-12-2022 được biết: Tình trạng hôn n hân giữa anh S và chị S xảy ra mâu thuẫn như thế nào ban ấp không rõ, hiện nay anh S đi làm ăn xa tại Bình Dương thỉnh thoảng có quay về nhà.

Về con chung: Có 02 con chung tên Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011, hiện đang sống cùng chị S và nguyện vọng của các con muốn được sống cùng mẹ là bà S. Nên giao 02 con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, chị S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào nôi dung và các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không có liên lạc với nhau để hàn gắn cuộc sống gia đình và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Do đó, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S xin ly hôn với anh S là có căn cứ được chấp nhận

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chau S cư trú tại tổ 5, ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Chau S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Chau S vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Chau S.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Néang S và anh Chau S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 17-6-2010 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa chị và anh sau khi kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính chị S cho rằng anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn, do quá nhiều mâu thuẫn nên không thể chung sống vợ chồng chị và anh Chau S đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Chau S, nhằm đảm bảo quyền lợi của anh Chau S theo quy định của pháp luật để anh Chau S được trình bày ý kiến, nhưng anh Chau S vẫn vắng mặt và anh có có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị S. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh Chau S.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của bà Néang Nhung là mẹ ruột của anh Chau S, bà Nhung cho biết anh Chau S và chị Néang S có quan hệ hôn nhân, hiện nay không còn chung sống vợ chồng, mâu thuẫn như thế nào để dẫn đến việc ly hôn bà không biết, hiện nay chị S và anh S không còn chung sống vợ chồng nữa. Có 02 con chung tên Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011 hiện đang sống cùng chị S. Anh S đi làm ăn xa thỉnh thoảng có quay về, việc yêu cầu ly hôn của chị S, anh S có biết.

Tại biên bản xác minh ngày 02-12-2022 ban ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xác định tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị S không rõ. Hiện nay anh S hiện đi làm ăn xa tại Bình Dương, thỉnh thoảng có quay về địa phương.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình. Tuy nhiên giữa chị S và anh S không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa chị S và anh S không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, cả hai không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ năm 2017 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Chau S rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị S về việc yêu cầu ly hôn với anh Chau S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 2 con chung tên Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011. Sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh Chau S cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhằm ghi nhận ý kiến anh Chau S, nhưng anh Chau S vắng mặt. Tại phiên tòa chị S vẫn xin được nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị S và anh S ly thân đến nay, bé Neáng Kim S2 và Neáng Kim Sanh đều do chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, bên cạnh đó nguyện vọng của Sươne và Sanh là muốn được sống cùng mẹ bà Néang S sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện các cháu, tránh xáo trộn đời sống tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị S không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị S là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Néang S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Néang S được ly hôn với anh Chau S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108/GKH, ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 cháu Neáng Kim S2, sinh ngày 13-5-2009 và Neáng Kim Sanh, sinh ngày 31-12-2011 cho chị Néeang S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chau S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Néang S đã nộp theo biên lai thu số 0009655 ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính

đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND xã Ô Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Nữ Ngọc Lan